

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG
CHỐNG DỊCH COVID-19**

Số: 222 /BC-BCĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quận 5, ngày 12 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Đánh giá cấp độ dịch COVID-19 tuần từ 05/9/2022 đến 11/9/2022

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng, an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”;

Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ Y tế về ban hành hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”;

Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 Quận 5 báo cáo đánh giá cấp độ dịch COVID-19 tuần từ 05/9/2022 đến 11/9/2022 như sau:

1. Kết quả đánh giá cấp độ dịch các phường:

Sau khi kết hợp các tiêu chí, kết quả như sau:

- Tỷ lệ phường đạt cấp độ 1 là: 100%, gồm 14/14 phường.

2. Chi tiết đánh giá cấp độ dịch các phường: Đính kèm Phụ lục./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế/TP ;
- TT.QU – TT.UBND/Q5;
- BCĐ PCDB/Q5;
- VP.QU - VP.UBND/Q5(VX);
- Lưu: VT, YT. X

**KT. TRƯỞNG BAN phụ
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND QUẬN 5
Nguyễn Võ Xuân Kỳ**

Bảng đánh giá chi tiết cấp độ dịch các phường tuần từ 05/9/2022 – 11/9/2022
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 222 /BC-BCĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 Quận 5)

Các chỉ số			Chỉ số 1a			Chỉ số 1b				Chỉ số 1c		Chỉ số 2a				Chỉ số 2b				Chỉ số điều chỉnh mức độ dịch (2a + 2b)		Khả năng đáp ứng 3a		Khả năng đáp ứng 3b				Khả năng đáp ứng 3c			Cấp độ dịch	
Phường	Dân số	Số hộ	Số ca mắc mới trong tuần ngày 05/9-11/9/2022	Tỷ lệ mắc mới trong tuần/100.000 dân	Mức độ lây nhiễm theo 1a	Số ca thở oxy trung bình trong tuần	Tỷ lệ ca bệnh phải thở oxy Trung Bình trong tuần/100.000 dân	Mức độ lây nhiễm Theo 1b	Mức độ lây nhiễm (1a+1b)	Số ca tử vong mới trong tuần	Tỷ lệ số ca tử vong trong tuần/100.000 dân	Số môi tiêm đủ môi		Tỷ lệ tiêm đủ môi VX (%)	Độ phủ VX (2a) (≥75%)	Số môi 3 nguy cơ cao	Tỷ lệ tiêm đủ môi VX (nguy cơ cao) (%)	Độ phủ VX (2b) (≥90%)	Độ phủ VX (Phối hợp 2a+2b)	Mức độ lây nhiễm (Hiệu chỉnh theo chỉ số 2a + 2b)	Tỷ lệ sản sàng quân lý, chăm sóc/ 10.000 hộ dân	Khả năng đáp ứng (3a)	Tỷ lệ giường bệnh dành cho BN Covid/ 100.000 dân (QH đánh giá, áp dụng cho P/X)	Khả năng đáp ứng (3b)	Khả năng đáp ứng (3a+3b)	Tỷ lệ giường điều trị ICU có đủ NVYT phục vụ/ 100.000 dân (≥4/100.000 dân)	Khả năng đáp ứng (3c)	Hiệu chỉnh khả năng đáp ứng theo chỉ số 3c	Cấp độ dịch (1)	Cấp độ dịch (2) Hiệu chỉnh theo tiêu chí 1c		
			Chỉ số 1a	Chỉ số 1a	Chỉ số 1a	Chỉ số 1b	Chỉ số 1b	Chỉ số 1b	Chỉ số 1a+1b	Chỉ số 1c	Chỉ số 1c	Môi 2 người 12-17	Môi bổ sung & nhắc lại người ≥ 18	Chỉ số 2a	Chỉ số 2a	Chỉ số 2b	Chỉ số 2b	Chỉ số 2b	Chỉ số 2a+2b		Chỉ số 3a	Chỉ số 3a	Chỉ số 3b	Chỉ số 3b	Chỉ số 3a+3b	Chỉ số 3c	Chỉ số 3c	Chỉ số 3a+3b+3c	Kết hợp Mức độ lây nhiễm + khả năng đáp ứng	Cấp độ dịch		
Phường 1	17199	4315	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	1110	9336	60,74%	Không đạt	3836	96,07%	Đạt	Không đạt	2	695,2	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 2	14365	3861	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	965	12005	90,29%	Đạt	5229	117,29%	Đạt	Đạt	1	777,0	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 3	7630	1386	1	13,1	1	0	0,0	1	1	0	0,0	2436	7336	128,07%	Đạt	2370	210,48%	Đạt	Đạt	1	2886,0	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 4	10125	2789	2	19,8	1	0	0,0	1	1	0	0,0	688	9195	97,61%	Đạt	3461	95,11%	Đạt	Đạt	1	1792,8	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 5	10847	2726	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	922	9696	97,89%	Đạt	3838	113,92%	Đạt	Đạt	1	3301,5	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 6	8424	2184	1	11,9	1	0	0,0	1	1	0	0,0	682	6409	84,18%	Đạt	2893	89,65%	Không đạt	Không đạt	2	3663,0	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 7	10273	2535	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	848	7818	84,36%	Đạt	3632	96,60%	Đạt	Đạt	1	1972,4	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 8	7868	1842	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	781	8177	113,85%	Đạt	3334	124,17%	Đạt	Đạt	1	1085,8	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 9	13233	2963	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	914	7172	61,10%	Không đạt	2481	91,69%	Đạt	Không đạt	2	1012,5	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 10	6479	1862	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	499	5011	85,04%	Đạt	1963	78,52%	Không đạt	Không đạt	2	1611,2	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 11	11659	3035	2	17,2	1	0	0,0	1	1	0	0,0	999	9789	92,53%	Đạt	4130	104,93%	Đạt	Đạt	1	2306,4	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 12	14857	3710	5	33,7	1	0	0,0	1	1	0	0,0	1459	12832	96,19%	Đạt	5482	123,97%	Đạt	Đạt	1	1886,8	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 13	8749	2195	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	743	5984	76,89%	Đạt	2497	90,60%	Đạt	Đạt	1	1366,7	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 14	12909	3347	3	23,2	1	0	0,0	1	1	0	0,0	959	11933	99,87%	Đạt	4653	164,42%	Đạt	Đạt	1	896,3	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		